

hành và chỉ được công bố khai thác khi có đủ điều kiện.

Điều 22. Trách nhiệm thực hiện

Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến tổ chức hoạt động của bến xe trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện Quy định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

Đào Đình Bình

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải số 09/2005/
QĐ-BGTVT ngày 10/01/2005
ban hành “Quy định vận tải
khách bằng ô tô theo tuyến cố
định và vận tải khách bằng
ô tô theo hợp đồng”.**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày
29 tháng 6 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2001/NĐ-CP
ngày 11 tháng 12 năm 2001 của Chính*

*phủ về Điều kiện kinh doanh vận tải
bằng ô tô;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP
ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao
thông vận tải;*

*Theo đề nghị của các ông Vụ trưởng
Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường bộ
Việt Nam,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định và vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định 4127/2001/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Chánh Thanh tra Bộ, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Giao thông công chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ kinh doanh vận tải khách bằng ô tô chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

Đào Đình Bình

QUY ĐỊNH về vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định và vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng

(ban hành kèm theo Quyết định số 09/2005/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định và vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước; các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định và doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đăng ký kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng.

2. Trường hợp Điều ước quốc tế về vận tải khách bằng ô tô mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với Quy định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tuyến vận tải khách* là tuyến được xác định để xe ô tô vận chuyển khách từ một bến xe thuộc địa danh này đến một bến xe thuộc địa danh khác.

2. *Hành trình chạy xe* là tuyến vận tải khách được xác định cụ thể, có quy định điểm đi, điểm đến và các điểm dừng, đỗ để xe ô tô vận tải khách thực hiện trong mỗi chuyến xe.

3. *Lịch trình chạy xe của một chuyến xe vận chuyển khách* là thời gian được xác định cho một hành trình chạy xe từ khi xuất phát đến khi kết thúc chuyến xe.

4. *Biểu đồ chạy xe trên một tuyến vận tải khách* là tổng hợp các lịch trình chạy xe của các chuyến xe vận tải khách tham gia khai thác trên tuyến trong một thời gian nhất định.

5. *Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô* là việc sử dụng xe ô tô khách để vận chuyển khách có thu tiền.

6. *Doanh nghiệp vận tải khách* là các tổ chức kinh doanh vận tải khách được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Hợp tác xã, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

7. *Vận tải khách theo tuyến cố định* là vận tải khách theo tuyến có bến đi, bến đến là bến xe khách và xe chạy theo hành trình, lịch trình quy định.

8. *Vận tải khách theo hợp đồng* là vận tải khách không theo tuyến cố định, được thực hiện theo hợp đồng vận tải đã được ký kết giữa người thuê vận tải và người vận tải.

096382
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LAWSON

9. *Sổ nhật trình chạy xe* là sổ cấp cho xe vận chuyển khách theo tuyến cố định để bến xe nơi đi, nơi đến xác nhận số lượng khách đi, đến bến và giờ xe ra, vào bến của từng chuyến xe.

10. *Vé xe khách* là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng vận tải giữa doanh nghiệp vận tải khách và khách đi xe, đồng thời là hóa đơn bán sản phẩm vận tải của doanh nghiệp vận tải khách.

Điều 4. Phân loại tuyến vận tải khách

1. Theo phạm vi hoạt động:
 - a) Vận tải khách tuyến nội tỉnh.
 - b) Vận tải khách tuyến liên tỉnh.
 - c) Vận tải khách tuyến liên vận quốc tế.
2. Theo loại hình hoạt động:
 - a) Vận tải khách theo tuyến cố định.
 - b) Vận tải khách theo hợp đồng.

Chương II

QUẢN LÝ, KHAI THÁC VẬN TẢI KHÁCH BẰNG ÔTÔ THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH

Điều 5. Căn cứ xác định tuyến vận tải khách cố định bằng ô tô

1. Có hệ thống đường bộ bảo đảm an toàn, thông suốt cho xe vận chuyển khách thực hiện hành trình và lịch trình vận tải.

2. Có nhu cầu đi lại của khách ổn định theo từng chu kỳ thời gian.

3. Có bến xe nơi đi, bến xe nơi đến đủ tiêu chuẩn, trạm nghỉ và các điểm dừng, đỗ xe khách theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 6. Công bố tuyến vận tải khách cố định mới

1. Căn cứ quy định tại Điều 5, cơ quan quản lý tuyến có trách nhiệm thẩm định và công bố tuyến vận tải khách cố định mới.

2. Hồ sơ đăng ký mở tuyến mới gồm: “Giấy đăng ký mở tuyến” của doanh nghiệp vận tải khách kèm theo “Phương án hoạt động vận tải khách liên tỉnh bằng ô tô” theo mẫu quy định.

3. Cơ quan quản lý tuyến khi nhận được hồ sơ đăng ký mở tuyến phải thẩm định và ban hành văn bản “Chấp thuận khai thác thử” theo mẫu quy định. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

4. Thẩm quyền công bố tuyến vận tải khách cố định mới:

a) Cục Đường bộ Việt Nam công bố mở tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh theo đăng ký mở tuyến của doanh nghiệp vận tải sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính hai đầu tuyến.

Việc mở tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh chỉ áp dụng đối với các tuyến có bến xe nơi đi và nơi đến từ loại 1 đến loại 5 theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về bến xe ô tô khách.

b) Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông

công chính tỉnh, thành phố công bố tuyến vận tải khách cố định nội tỉnh, tuyến vận tải khách cố định liên kế với tỉnh có chung ranh giới đường bộ gọi chung là tuyến vận tải khách cố định liên kế. Đối với tuyến vận tải khách cố định liên kế, văn bản công bố là văn bản liên Sở giữa Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính hai đầu tuyến.

5. Nội dung công bố tuyến vận tải khách cố định mới bao gồm:

- a) Hành trình chạy xe;
- b) Cự ly vận chuyển;
- c) Bến xe nơi đi, bến xe nơi đến.

6. Sau khi cơ quan quản lý tuyến công bố mở tuyến vận tải khách cố định mới, các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính hai đầu tuyến có trách nhiệm thông báo rộng rãi, kịp thời đến các doanh nghiệp vận tải khách có trụ sở, hoặc trụ sở chi nhánh đóng tại địa phương để đăng ký khai thác.

7. Các doanh nghiệp kinh doanh vận tải khách được đăng ký để tổ chức chạy thử trên tuyến vận tải khách cố định mới mở; thời hạn tiếp nhận đăng ký trong 30 ngày kể từ ngày công bố chạy thử.

8. Thời hạn chạy thử tối đa là 06 tháng kể từ ngày cơ quan quản lý tuyến công bố mở tuyến vận tải khách cố định mới. Hết thời hạn chạy thử, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục khai thác phải có "Giấy đề nghị công bố tuyến" theo mẫu quy định, gửi về cơ quan quản lý tuyến (nếu là tuyến do Cục Đường bộ Việt Nam quản lý, văn bản phải có xác nhận của bến xe hai đầu tuyến).

Sau 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn chạy thử, nếu không có doanh nghiệp chạy thử nào có văn bản đề nghị công bố tuyến chính thức, tuyến đó mặc nhiên được bãi bỏ.

9. Các doanh nghiệp tham gia khai thác thử sẽ được độc quyền khai thác trong 03 năm trên các tuyến vận tải khách cố định (liên tỉnh hoặc liên tỉnh liên kế) mới mở nếu có một hoặc cả 2 đầu bến nằm trong địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

Điều 7. Công bố ngừng tạm thời hoặc vĩnh viễn, điều chỉnh tuyến vận tải khách cố định đang khai thác

1. Tuyến vận tải khách cố định bằng xe ô tô sẽ được công bố ngừng khai thác tạm thời hoặc vĩnh viễn khi:

a) Tuyến đó không còn thỏa mãn một trong số các căn cứ nêu tại Điều 5 Quy định này.

b) Tuyến đường giao thông cần sửa chữa, nâng cấp đột xuất không bảo đảm an toàn cho vận tải, các bến xe thay đổi vị trí, tình hình trật tự an ninh không bảo đảm hoặc có những sự cố bất thường khác.

2. Khi ngừng hoạt động, cơ quan quản lý tuyến phải thông báo rộng rãi lý do ngừng hoạt động trước 30 ngày, trường hợp ngừng tạm thời phải thông báo thời gian tạm ngừng.

3. Cơ quan công bố tuyến có trách nhiệm công bố ngừng tạm thời hoặc vĩnh viễn tuyến vận tải khách cố định đang

khai thác, văn bản công bố ngừng khai thác tuyến theo mẫu quy định.

4. Trước khi công bố tuyến ngừng hoạt động, cơ quan quản lý tuyến có trách nhiệm xem xét việc tổ chức vận tải để không ảnh hưởng đến đi lại của nhân dân và thông báo điều chỉnh ban hành đồng thời với thông báo ngừng hoạt động của tuyến.

Điều 8. Tiếp nhận, thẩm định và chấp thuận khai thác tuyến vận tải khách cố định

1. Phân công tiếp nhận, thẩm định và ban hành văn bản chấp thuận khai thác tuyến:

a) Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, thẩm định và ban hành văn bản chấp thuận khai thác các tuyến có cự ly trên 1000 km và các tuyến quốc tế.

b) Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính tiếp nhận, thẩm định và ban hành văn bản chấp thuận khai thác các tuyến có cự ly từ 1000 km trở xuống.

2. Cơ quan quản lý tuyến có trách nhiệm thẩm định những nội dung doanh nghiệp đã đăng ký và chậm nhất 07 ngày làm việc tính từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ phải thông báo bằng văn bản theo Phụ lục 2 để doanh nghiệp được chấp thuận chuẩn bị tham gia Hội nghị hiệp thương khai thác tuyến.

3. Xe đăng ký tham gia khai thác tuyến phải có một trong các điều kiện sau:

a) Xe đăng ký tại địa phương tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai thác tuyến, mang tên

chủ xe là doanh nghiệp, doanh nghiệp liên doanh liên kết có chức năng kinh doanh vận tải khách và phải có hợp đồng liên doanh liên kết với doanh nghiệp.

Chi nhánh doanh nghiệp đăng ký khai thác tại địa phương bao gồm xe đăng ký tại địa phương đặt chi nhánh và xe đăng ký tại địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

b) Xe mang tên doanh nghiệp có chức năng thuê mua tài chính tại địa phương đặt trụ sở của doanh nghiệp có chức năng thuê mua tài chính;

c) Xe mang tên chủ hộ kinh doanh cá thể có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải khách khi liên doanh liên kết với doanh nghiệp phải có thỏa thuận liên doanh liên kết và chịu sự quản lý, điều hành của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Xe đăng ký tại địa phương nào chỉ được phép liên doanh liên kết với doanh nghiệp kinh doanh vận tải khách tại địa phương đó.

4. Đối với chuyến xe vận chuyển chất lượng cao:

a) Cục Đường bộ Việt Nam công bố tiêu chuẩn vận chuyển khách liên tỉnh chất lượng cao. Cơ quan quản lý tuyến tổ chức và quản lý hoạt động của các chuyến xe chất lượng cao theo tiêu chuẩn đã ban hành.

b) Xe tham gia chuyến xe vận chuyển chất lượng cao khi hoạt động trên tuyến phải có phù hiệu "Chuyến xe chất lượng cao" theo mẫu tại Phụ lục 4 cài đặt phía bên trong kính chắn gió, phía bên phải người lái xe.

5. Các doanh nghiệp được thông báo khai thác tuyến vận tải khách cố định, trong quá trình khai thác không vi phạm Quy định này, nội quy hoạt động trên tuyến hoặc các quy định khác của pháp luật thì được khai thác trong 07 năm, hết thời hạn trên doanh nghiệp phải đăng ký lại theo quy định.

Điều 9. Đăng ký khai thác tuyến vận tải khách cố định

1. Các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có đủ điều kiện kinh doanh vận tải khách theo quy định của pháp luật đều được đăng ký khai thác vận tải khách trên các tuyến cố định đã được công bố và trên các tuyến cố định mới mở.

2. Đối với các tuyến cố định đang khai thác và tuyến hết thời hạn chạy thử được công bố chính thức, doanh nghiệp đăng ký lần đầu, đăng ký bổ sung xe hoặc đăng ký thay xe khai thác tuyến phải làm hồ sơ đăng ký gửi cơ quan quản lý tuyến theo quy định sau đây:

a) Hồ sơ đăng ký lần đầu:

- “Giấy đăng ký khai thác vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định” theo mẫu quy định tại Phụ lục 1;

- Phương án chạy xe theo mẫu quy định;

- “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” của doanh nghiệp trong đó có ngành nghề kinh doanh phù hợp (Bản phô tô có công chứng hoặc bản phô tô kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Bản phô tô Đăng ký xe ô tô của những xe trong danh sách đăng ký;

- Bản phô tô “Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” của những xe trong danh sách đăng ký;

- “Giấy đăng ký khai thác vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định” gửi cơ quan quản lý tuyến phải có xác nhận của Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính nơi doanh nghiệp đặt trụ sở hoặc trụ sở chi nhánh.

- Thời hạn đăng ký vào tháng 10 hàng năm.

Ngoài thời hạn đăng ký nói trên doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký khai thác tuyến lập hồ sơ gửi cơ quan quản lý tuyến. Cơ quan quản lý tuyến căn cứ tình hình hoạt động trên tuyến của các doanh nghiệp để xem xét việc chấp thuận trên nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp đang khai thác trên tuyến.

b) Hồ sơ đăng ký bổ sung xe vào tuyến

- Giấy “Đăng ký bổ sung xe vào tuyến” theo mẫu quy định.

- Bản phô tô văn bản “Chấp thuận tham gia khai thác tuyến vận tải khách liên tỉnh cố định bằng ô tô” của cơ quan quản lý tuyến;

- Bản phô tô Đăng ký xe ô tô của những xe trong danh sách đăng ký;

- Bản phô tô “Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” của những xe trong danh sách đăng ký.

c) Hồ sơ đăng ký thay xe khai thác tuyến:

- Giấy “Đề nghị thay xe” theo mẫu quy định gửi cơ quan quản lý tuyến.

- Bản phô tô văn bản “Chấp thuận tham gia khai thác tuyến vận tải khách liên tỉnh cố định bằng ô tô” hoặc văn bản “Chấp thuận bổ sung xe” vào tuyến có ghi biển số đăng ký xe cần thay thế;

- Bản phô tô Đăng ký xe ô tô những xe đưa vào thay thế;

- Bản phô tô “Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” của những xe đăng ký vào thay thế;

d) Trường hợp cần thay xe đột xuất trong thời hạn không quá 30 ngày thì chủ doanh nghiệp quyết định và có trách nhiệm xác nhận vào “Sổ nhật trình chạy xe” của xe được thay thế.

3. Phải ghi tên và số điện thoại của doanh nghiệp ở phần đầu mặt ngoài hai bên thân xe hoặc mặt ngoài hai bên cánh của xe;

4. Phần trên kính phía trước xe có niêm yết tên bến xe và địa danh nơi đi, nơi đến.

5. Ghế ngồi trong xe phải được đánh số chỗ ngồi theo thứ tự từ phía đầu xe xuống cuối xe, từ bên trái (phía sau người lái) sang bên phải.

6. Mỗi xe được đăng ký khai thác tối đa hai tuyến vận tải khách cố định. Khi nộp hồ sơ đăng ký, doanh nghiệp vận tải khách có trách nhiệm cung cấp, xuất

trình các giấy tờ liên quan và chứng minh cho cơ quan quản lý tuyến về khả năng hoặc thực tế đã tham gia đầy đủ trên hai tuyến.

7. Các tuyến do hai Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính đồng quản lý thì doanh nghiệp đăng ký với Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh. Sở nhận đăng ký của doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở kia những thông tin về các doanh nghiệp đã đăng ký khai thác trên tuyến.

8. Các tuyến do Cục Đường bộ Việt Nam quản lý thì Cục có trách nhiệm thông báo cho Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính đầu tuyến và cuối tuyến những thông tin liên quan về tình hình đăng ký khai thác tuyến khi công bố chấp thuận.

9. Xe được chấp thuận khai thác tuyến cố định khi hoạt động trên tuyến phải gắn phù hiệu “Xe chạy tuyến cố định” lên kính xe phía trước góc trên phía tay phải của người lái (trừ chuyển xe chất lượng cao), phù hiệu “Xe chạy tuyến cố định” theo mẫu Phụ lục 4.

10. Phù hiệu “Xe chạy tuyến cố định” hoặc phù hiệu “Chuyển xe chất lượng cao” có giá trị không quá 12 tháng.

Điều 10. Hiệp thương tuyến vận tải khách cố định

1. Căn cứ xây dựng biểu đồ chạy xe:

a) Lưu lượng khách đi lại trên tuyến;

- b) Lịch trình chạy xe;
- c) Danh sách xe dự kiến bố trí;
- d) Khả năng đáp ứng của bến xe 2 đầu tuyến;
- đ) Các trạm nghỉ và điểm dừng để xe đón, trả khách trên tuyến.

2. Xây dựng và phân công biểu đồ chạy xe:

a) Cơ quan quản lý tuyến trực tiếp hoặc ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính một trong hai đầu tuyến triệu tập và chỉ đạo Hội nghị hiệp thương để xây dựng và phân công biểu đồ chạy xe. Trường hợp tuyến có hai cơ quan quản lý thì hai cơ quan quản lý tuyến phải thống nhất trước khi ủy quyền.

b) Cơ quan quản lý tuyến được quyết định theo thẩm quyền đối với những nội dung các doanh nghiệp không thống nhất được ở Hội nghị hiệp thương.

c) Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam chủ trì Hiệp thương các tuyến từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại. Trong trường hợp này, Cục Đường bộ Việt Nam vẫn phải thực hiện đầy đủ các chức năng của cơ quan quản lý tuyến như đã quy định.

3. Nội dung Hội nghị hiệp thương:

a) Xây dựng, phân công thực hiện biểu đồ chạy xe trên tuyến cho từng doanh nghiệp;

b) Thống nhất các khung hoặc mức giá vé theo chất lượng xe và các dịch vụ phục vụ khách đi xe;

c) Xây dựng nội quy khai thác trên tuyến giữa các đơn vị cùng tham gia theo mẫu quy định và hình thức xử lý vi phạm nội quy đó.

4. Hội nghị hiệp thương sẽ căn cứ loại xe, tuổi xe và dịch vụ phục vụ khách của các doanh nghiệp để quyết định việc tổ chức chuyển xe vận chuyển chất lượng cao trên tuyến (nếu có).

5. Biên bản Hội nghị hiệp thương lập theo mẫu quy định phải được gửi về cơ quan quản lý tuyến để theo dõi và kiểm tra thực hiện.

Những tuyến do Cục Đường bộ Việt Nam quản lý thì ngoài việc gửi Biên bản Hội nghị hiệp thương về Cục còn phải gửi về Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính có bến đi, bến đến để theo dõi và kiểm tra thực hiện.

6. Chỉ tiến hành hiệp thương khi có sự thay đổi một trong số các nội dung tại Khoản 3 Điều này, cụ thể là: cần thay đổi biểu đồ chạy xe trong các trường hợp có thêm doanh nghiệp đăng ký khai thác hoặc các doanh nghiệp đang khai thác đăng ký tăng hoặc giảm xe làm ảnh hưởng đến biểu đồ chạy xe trên tuyến; đa số doanh nghiệp đề nghị thay đổi về nội dung trong nội quy khai thác tuyến; cần thay đổi khung hoặc mức giá vé do Hội nghị hiệp thương lần trước xây dựng.

Điều 11. Ngừng khai thác trên tuyến vận tải khách cố định

1. Doanh nghiệp đang khai thác trên tuyến vận tải khách cố định trước khi ngừng khai thác tuyến phải có giấy đề

ngợi nêu rõ lý do theo mẫu quy định gửi cơ quan quản lý tuyến.

2. Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận giấy đề nghị theo dấu bưu điện đến, cơ quan quản lý tuyến có trách nhiệm xem xét, thông báo cho doanh nghiệp đã đề nghị và bên xe hai đầu tuyến biết việc chấp thuận ngừng khai thác tuyến. Văn bản thông báo ngừng khai thác theo mẫu quy định.

3. Doanh nghiệp sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tự động ngừng khai thác tuyến khi chưa nhận được thông báo chấp thuận của cơ quan quản lý tuyến.

Chương III

QUẢN LÝ, KHAI THÁC VẬN TẢI KHÁCH BẰNG ÔTÔ THEO HỢP ĐỒNG

Điều 12. Đăng ký khai thác vận tải khách theo hợp đồng

1. Doanh nghiệp và Hộ kinh doanh cá thể có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải khách bằng ô tô và bảo đảm điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô theo quy định của pháp luật đều được kinh doanh khai thác vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng.

2. Xe ô tô đăng ký ở nước ngoài không được khai thác vận tải khách theo hình thức hợp đồng trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) “Giấy đăng ký khai thác vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng” theo mẫu tại Phụ lục 3;

b) Đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể do cơ quan có thẩm quyền cấp trong đó có ngành nghề đăng ký kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng (Bản phô tô có công chứng hoặc bản phô tô có bản chính để đối chiếu);

c) Bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký sở hữu phương tiện của những xe trong danh sách;

d) Bản phô tô “Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” của những xe trong danh sách đăng ký;

đ) Danh sách xe đăng ký tham gia khai thác theo hợp đồng.

4. Phải ghi tên và số điện thoại của doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh cá thể ở phần đầu mặt ngoài hai bên thân hoặc hai bên cánh cửa xe.

Điều 13. Chấp thuận, cấp phù hiệu cho xe vận chuyển khách theo hợp đồng

1. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đăng ký kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng phải gửi “Giấy đăng ký khai thác vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng” đến Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính nơi đăng ký kinh doanh. Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính có trách nhiệm thẩm định và cấp phù hiệu “Xe hợp đồng”.

Thời hạn thẩm định và cấp phù hiệu

không quá 05 ngày làm việc từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Phù hiệu “Xe hợp đồng” phải có hai màu khác nhau nhằm phân biệt những xe đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh trong nội thành, nội thị với những xe chạy theo hợp đồng trên các tuyến xa. Phù hiệu “Xe hợp đồng” có giá trị sử dụng không quá 06 tháng.

3. Xe ô tô vận chuyển khách theo hợp đồng phải có phù hiệu “Xe hợp đồng” theo mẫu Phụ lục 4 cài đặt phía bên trong kính chắn gió phía bên phải của người lái.

Điều 14: Hợp đồng vận chuyển khách

1. Xe vận chuyển khách theo hợp đồng phải có hợp đồng vận tải bằng văn bản theo mẫu hợp đồng do pháp luật quy định.

a) Trong hợp đồng vận tải phải ghi rõ thời gian thực hiện hợp đồng, địa chỉ cụ thể nơi đi, nơi đến, số lượng khách và hành trình chạy xe.

b) Những xe đã đăng ký khai thác tuyến cố định, nếu có nhu cầu vận chuyển khách theo hợp đồng thì doanh nghiệp gửi “Giấy đăng ký khai thác vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng” đến cơ quan quản lý tuyến cố định và chứng minh khả năng bảo đảm thực hiện lịch trình trên tuyến cố định để được chấp thuận và cấp phù hiệu “Xe hợp đồng” theo thời hạn hợp đồng đã ký.

2. Khi thực hiện vận chuyển khách theo hợp đồng, lái xe phải mang theo hợp đồng (liên 2). Nội dung hợp đồng phải

phù hợp với bản hợp đồng lưu tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể khi phát hành hợp đồng (liên 1). Đối với xe của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, hợp đồng vận chuyển được thay bằng hợp đồng dịch vụ, chương trình, lịch trình theo quy định của ngành du lịch.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYẾN VẬN TẢI KHÁCH, DOANH NGHIỆP VẬN TẢI, BẾN XE VÀ KHÁCH ĐI XE

Điều 15. Cơ quan quản lý tuyến vận tải khách

1. Cục Đường bộ Việt Nam là cơ quan được ủy quyền thống nhất quản lý hoạt động vận tải khách nói chung và trực tiếp quản lý hoạt động vận tải khách tuyến cố định liên tỉnh có cự ly trên 1000 km, vận tải khách tuyến liên vận quốc tế.

2. Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính quản lý hoạt động vận tải khách tuyến nội tỉnh và vận tải khách tuyến cố định liên tỉnh từ 1000 km trở xuống.

Điều 16. Trách nhiệm và thẩm quyền của Cục Đường bộ Việt Nam trong quản lý tuyến vận tải khách

1. Công bố các tuyến vận tải khách liên tỉnh vượt qua tỉnh liên kê.

2. Tiếp nhận Giấy đăng ký mở tuyến mới của doanh nghiệp vận tải khách;

thẩm định và ban hành văn bản chấp thuận.

3. Tiếp nhận “Giấy đăng ký khai thác vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định”, Giấy đăng ký bổ sung xe, Giấy đề nghị thay xe; thẩm định và ban hành văn bản chấp thuận đối với các tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh có cự ly trên 1000 km.

4. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình khai thác tuyến vận tải khách theo quy định của pháp luật.

5. Thống nhất in ấn, phát hành, quản lý “Sổ nhật trình”, phù hiệu “Xe chạy tuyến cố định”, phù hiệu “Chuyến xe chất lượng cao” và phù hiệu “Xe hợp đồng”.

Điều 17. Trách nhiệm và thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính trong quản lý tuyến vận tải khách

1. Công bố các tuyến vận tải khách cố định nội tỉnh, tuyến vận tải khách cố định liên kê. Tiếp nhận Giấy đăng ký và ban hành văn bản chấp thuận khai thác tuyến vận tải khách cố định liên kê.

2. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 6 để đề nghị Cục Đường bộ Việt Nam công bố mở mới tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh.

3. Tiếp nhận Giấy đăng ký và ban hành văn bản chấp thuận khai thác tuyến vận tải khách cố định đối với các tuyến có cự ly từ 1000 km trở xuống.

4. Xác nhận “Giấy đăng ký khai thác

tuyến” lần đầu của doanh nghiệp đối với các tuyến vận tải khách cố định có cự ly vận chuyển trên 1000 km theo mẫu quy định.

5. Phát hành, quản lý và cấp “Hợp đồng vận chuyển khách bằng ô tô” theo mẫu của các cơ quan chức năng quy định.

6. Quản lý và cấp các phù hiệu: “Xe hợp đồng”, “Chuyến xe chất lượng cao”, “Xe chạy tuyến cố định”, “Sổ nhật trình chạy xe”.

Khi cấp phù hiệu hoặc “Sổ nhật trình chạy xe” mới phải thu lại phù hiệu hoặc “Sổ nhật trình chạy xe” cũ.

7. Được thu một khoản tiền không vượt quá mức chi phí in ấn và quản lý ấn chỉ khi cấp “Sổ nhật trình chạy xe” hoặc các loại phù hiệu: “Xe hợp đồng”, “Xe chạy tuyến cố định”, “Chuyến xe chất lượng cao” và “Hợp đồng vận chuyển khách”. Nghiêm cấm việc phát hành các loại giấy tờ khác và thu tiền không đúng quy định.

8. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về khai thác vận tải khách đối với các tuyến được phân công và được ủy quyền quản lý.

Điều 18. Quyền hạn và trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh khai thác tuyến vận tải khách cố định

1. Quyền hạn:

a) Đưa xe đã đăng ký khai thác trên tuyến vào thực hiện biểu đồ chạy đã được cơ quan quản lý tuyến chấp thuận;

b) Cử đại diện có thẩm quyền dự và

biểu quyết tại các Hội nghị hiệp thương có liên quan đến quản lý, khai thác tuyến vận tải khách cố định mà doanh nghiệp tham gia khai thác. Tùy điều kiện cụ thể, tham dự và đóng góp ý kiến trong các hội nghị liên quan đến quản lý, khai thác tuyến vận tải khách cố định;

c) Được đăng ký màu sơn riêng, tên hoặc biểu tượng doanh nghiệp, tuyến khai thác lên thân xe theo quy định của pháp luật;

d) Được khiếu nại, tố cáo các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm nội dung của Quy định này, hoặc cản trở kinh doanh đúng pháp luật.

2. Trách nhiệm:

a) Bố trí xe bảo đảm số lượng, chất lượng đã đăng ký trên tuyến và thực hiện đúng biểu đồ chạy xe đã được cơ quan quản lý tuyến chấp thuận;

b) Tổ chức chạy xe đúng hành trình, lịch trình đã quy định;

c) Chuẩn bị đủ vé bán cho khách, bảo đảm mọi khách đi xe đều có vé, vé bán cho khách phải ghi số ghế và bố trí khách ngồi đúng số ghế đã ghi trên vé, trên vé phải có tên, địa chỉ và số điện thoại của doanh nghiệp;

d) Giao cho lái xe hoặc nhân viên phục vụ trên xe "Sổ nhật trình chạy xe" và các loại giấy tờ cần thiết, hướng dẫn lái xe ghi đầy đủ các nội dung trong các giấy tờ mang theo;

đ) Bố trí lái xe đúng quy định của pháp luật và phù hợp với cự ly từng tuyến vận chuyển;

e) Bố trí nhân viên phục vụ đã ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp trên những xe trên 16 ghế khi vận tải khách tuyến cố định;

3. Nghiêm cấm lái xe, phụ xe và nhân viên phục vụ trên xe của doanh nghiệp khai thác tuyến vận tải khách cố định vi phạm các hành vi sau đây:

a) Bỏ chuyến;

b) Chạy sai hành trình, lịch trình quy định, đón hoặc trả khách không đúng nơi quy định;

c) Tự ý đưa thêm xe vào tuyến quá số lượng đăng ký;

d) Chuyển nhượng khách dọc đường không có lý do chính đáng;

đ) Thu tiền của khách không đúng giá vé đăng ký.

Điều 19. Quyền hạn và trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác bến xe khách

1. Quyền hạn:

a) Được từ chối xếp khách lên xe không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định;

b) Yêu cầu lái xe, phụ xe và nhân viên phục vụ trên xe thực hiện các quy định về vận tải khách;

c) Yêu cầu chủ phương tiện bố trí xe thay thế những xe hỏng đột xuất hoặc không đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật để bảo đảm biểu đồ chạy xe và an toàn giao thông;

d) Được thu tiền dịch vụ bến xe đối với xe vận chuyển khách theo tuyến cố định hoạt động tại bến xe theo thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Trách nhiệm:

a) Ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp vận tải khách được phân công khai thác các tuyến vận tải khách cố định theo kết quả Hội nghị hiệp thương đã được cơ quan quản lý tuyến chấp thuận;

b) Bán vé theo sự ủy thác của các doanh nghiệp vận tải hoặc cho doanh nghiệp vận tải thuê quầy bán vé;

c) Bảo đảm trật tự an toàn và vệ sinh môi trường tại bến;

d) Kiểm tra việc chấp hành các quy định và làm thủ tục cho xe xuất bến.

Điều 20. Quyền hạn và trách nhiệm của khách đi xe trên tuyến vận tải khách cố định

1. Quyền hạn:

a) Được mang theo và miễn cước 10kg hành lý xách tay nhỏ gọn.

b) Được yêu cầu bồi thường những thiệt hại về người, hành lý mang theo do lái, phụ xe, nhân viên phục vụ trên xe gây ra.

c) Được góp ý trực tiếp hoặc gián tiếp với lái, phụ xe, nhân viên phục vụ trên xe và doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp kinh doanh khai thác bến xe.

2. Trách nhiệm:

a) Đi xe phải có vé; lên, xuống xe tại bến xe hoặc các trạm nghỉ, điểm dừng xe khách đã được quy định.

b) Chấp hành sự hướng dẫn của lái, phụ xe, nhân viên phục vụ trên xe.

c) Không mang theo những hàng cấm, hàng dễ cháy nổ, hàng có mùi hôi thối, súc vật.

Điều 21. Quyền hạn và trách nhiệm của doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh cá thể kinh doanh khai thác vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng

1. Quyền hạn:

a) Đưa những xe đã đăng ký vào khai thác hợp đồng vận tải khách;

b) Được thu tiền vận chuyển theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng.

2. Trách nhiệm:

a) Chỉ được vận chuyển khách sau khi đã ký hợp đồng vận chuyển;

b) Thực hiện đầy đủ những cam kết với người thuê vận tải đã ký trong hợp đồng;

c) Bố trí nhân viên phục vụ trên những xe từ 30 chỗ ngồi trở lên; chỉ bố trí lái xe, phụ xe và nhân viên phục vụ trên xe đã ký hợp đồng lao động và phù hợp với thời gian làm việc trên tuyến.

3. Người đại diện các bên trong hợp đồng vận tải có trách nhiệm và quyền hạn tương ứng như Bên vận tải và Bên thuê vận tải.

Điều 22. Quyền hạn và trách nhiệm của bên thuê vận tải theo hợp đồng

Bên thuê vận tải được yêu cầu bên vận tải thực hiện đầy đủ những nội dung đã cam kết trong hợp đồng vận tải và phải chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ những điều đã ký kết với bên vận tải.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Điều khoản thực hiện

1. Các loại phù hiệu và “Sổ nhật trình chạy xe” ban hành kèm theo Quyết định số 4127/2001/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có giá trị sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2005.

2. Các doanh nghiệp đang khai thác

tuyến vận tải khách cố định trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục khai thác trên tuyến theo thời hạn đã được cơ quan quản lý tuyến chấp thuận.

Điều 24. Trách nhiệm thực hiện

1. Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm ban hành các mẫu thống nhất nêu trong Quy định này dựa trên nguyên tắc: đơn giản, đầy đủ thông tin, thuận lợi cho công tác quản lý và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải khách, doanh nghiệp khai thác bến xe và khách đi xe có trách nhiệm thực hiện Quy định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

Đào Đình Bình

Phụ lục 1

TÊN DOANH NGHIỆP
Số:..... /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC
VẬN TẢI KHÁCH BẰNG ÔTÔ THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Tuyến: Bến đi:..... Bến đến:..... và ngược lại

Kính gửi:.....(2)

1. Tên doanh nghiệp vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở doanh nghiệp:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do
..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Doanh nghiệp đăng ký khai thác vận tải khách trên các tuyến sau:

Số thứ tự	Tên tuyến	Cự ly tuyến	Hành trình chạy xe			Số chuyến khai thác	Giá vé	Các dịch vụ phục vụ
			Bến đi	Bến đến	Các điểm dừng, đỗ xe dọc đường			
1.								
2.								
...								

7. Số xe đăng ký khai thác tuyến:

7.1. Tên tuyến.....

Số thứ tự	Biển số xe	Loại xe	Số ghế	Năm SX	Ghi chú
1					
2					
...					

7.2. Tên tuyến.....

Số thứ tự	Biển số xe	Loại xe	Số ghế	Năm SX	Ghi chú
1					
2					
...					

Doanh nghiệp cam kết những nội dung đã đăng ký đúng với thực tế tại doanh nghiệp.

Xác nhận của Sở GTVT (GTCC) Sở tại
(Nếu là tuyến trên 1.000 km)

Chủ doanh nghiệp
(Ký tên đóng dấu)

- (1) Ghi tên doanh nghiệp đăng ký khai thác tuyến
- (2) Ghi tên cơ quan quản lý tuyến

Phụ lục 2

CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYỂN (2) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**CHẤP THUẬN THAM GIA KHAI THÁC
TUYỂN VẬN TẢI KHÁCH LIÊN TỈNH CỐ ĐỊNH BẰNG ÔTÔ**

Tuyến: Bến đi..... Bến đến..... và ngược lại

Kính gửi:.....(1)

Theo đề nghị tại giấy đăng ký khai thác tuyến số...../..... ngày..... tháng..... năm..... của.....(2). Căn cứ các quy định về vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định.....(2) thông báo:

.....(1) đã đủ các điều kiện theo quy định tham gia khai thác tuyến vận tải khách liên tỉnh sau:

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại:

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh (TP).....)

Bến đến: Bến xe..... (thuộc tỉnh (TP).....)

Cự ly vận chuyển:..... km

Thời hạn khai thác trong 07 năm kể từ ngày...../...../.....

Số lượng xe tham gia khai thác tuyến: xe (Danh sách kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên
- Sở GTVT, Sở GTCC 2 đầu tuyến,
- Bến xe hai đầu tuyến
- Lưu cơ quan quản lý tuyến.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYỂN

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Ghi tên doanh nghiệp đăng ký thay xe

(2) Ghi tên cơ quan quản lý tuyến

Phụ lục 3

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ

KHAI THÁC VẬN TẢI KHÁCH BẰNG ÔTÔ THEO HỢP ĐỒNG

Kính gửi: Sở GTVT, Sở GTCC.....

1. Tên doanh nghiệp hoặc cá nhân:
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Trụ sở doanh nghiệp:
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày.... tháng.... năm.....
6. Phạm vi khai thác:
7. Số xe đăng ký khai thác:..... xe (Danh sách kèm theo).

Số thứ tự	Biển số xe	Loại xe	Số ghế	Năm SX	Phạm vi hoạt động	Ghi chú

Doanh nghiệp cam kết những nội dung đã đăng ký đúng với thực tế tại doanh nghiệp.

Chủ doanh nghiệp

(Ký tên đóng dấu)

Phụ lục 4

QUY ĐỊNH PHÙ HIỆU

"XE HỢP ĐỒNG", "CHUYẾN XE CHẤT LƯỢNG CAO" VÀ "XE VẬN CHUYỂN KHÁCH TUYẾN CỐ ĐỊNH"

(Sử dụng cho xe VCK theo hợp đồng, xe VCK chuyến chất lượng cao hoặc xe VCK tuyến cố định).

1. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ:

Nội dung	Kiểu chữ	Cỡ chữ
1. Dòng thứ 1, thứ 2 và dòng cuối cùng ở tất cả các mẫu phù hiệu:		
"SỐ:...../....."	VnTimeH, đậm	16 ÷ 20
"CÓ GIÁ TRỊ ĐẾN:...../.../....":		
"BIỂN SỐ XE: "		
2. Đối với phù hiệu "Xe hợp đồng" Chữ: "XE HỢP ĐỒNG"		
	VnTimeH, đậm	100 ÷ 150
3. Đối với phù hiệu "chuyến xe chất lượng cao" và phù hiệu xe vận chuyển khách tuyến cố định:		
Chữ "XE CHẠY TUYẾN CỐ ĐỊNH"	VnTimeH, đậm	16 ÷ 20
Chữ tên tuyến: (VÍ DỤ: HÀ NỘI - TP. HỒ CHÍ MINH)	VnTimeH, đậm	16 ÷ 20
Chữ TÊN BẾN ĐI - TÊN BẾN ĐẾN, (VÍ DỤ: GIÁP BÁT - MIỀN ĐÔNG)	VnAvanH, đậm	100 ÷ 120
Đối với chuyến xe chất lượng cao: Góc phải phía trên phù hiệu in vòng tròn trong có 3 chữ cái "CLC" (như mẫu)	VnTimeH, đậm	80 ÷ 100

2. Kích thước phù hiệu: Chiều dài (D): 450 mm ± 1000 mm

Chiều cao (C): 120 mm ± 30 mm

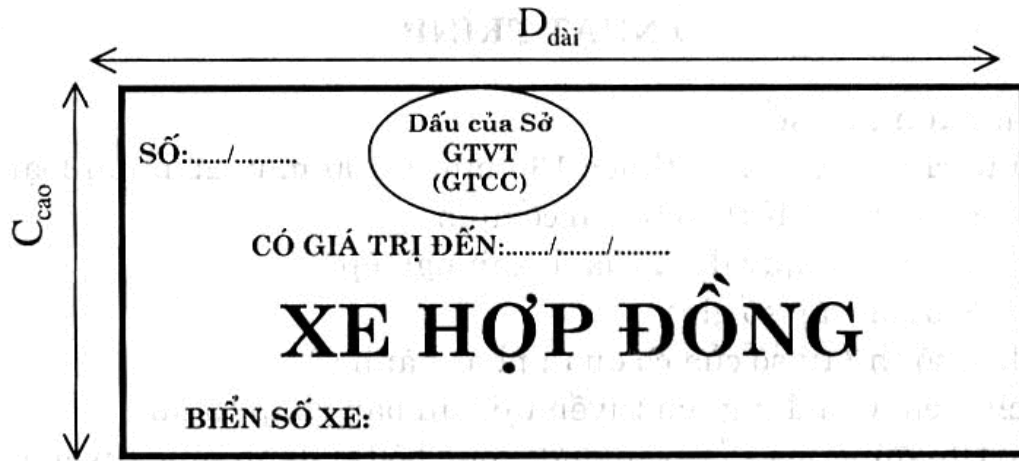
3. Màu sắc của từng loại phù hiệu:

- Phù hiệu cấp cho xe hoạt động tuyến từ 300 km trở xuống: Nền trắng, chữ xanh thẫm

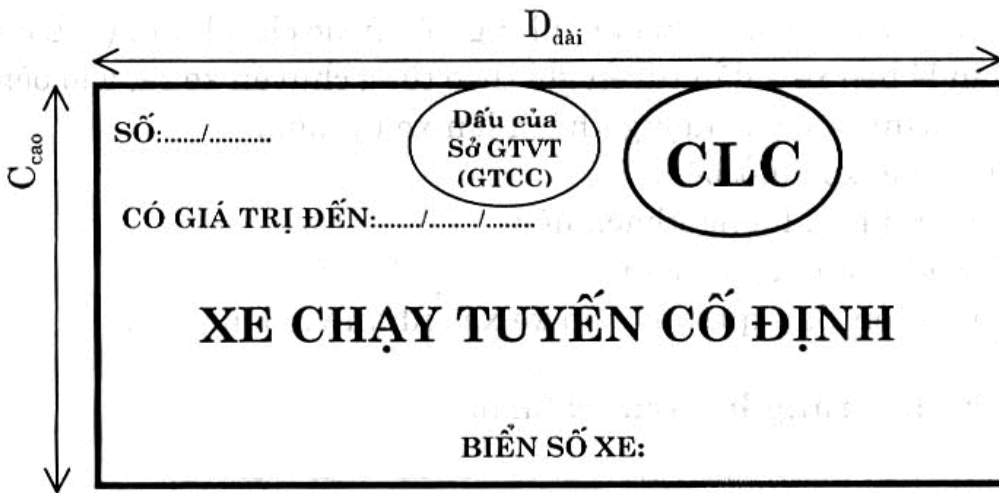
- Phù hiệu cấp cho xe hoạt động tuyến trên 300 km: Nền trắng, chữ đỏ.

4. Mẫu phù hiệu minh họa (thu nhỏ):

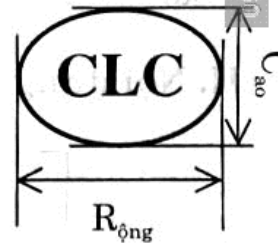
a) Mẫu "Xe hợp đồng"



b) Mẫu "chuyến xe chất lượng cao" và "xe vận chuyển khách tuyến cố định"



Chữ CLC nằm trong hình Elíp có:
 $C_{ao} = 44 \text{ mm} \pm 10$
 $R_{ộng} = 110 \text{ mm} \pm 20$



SỔ NHẬT TRÌNH

I. Hướng dẫn cách ghi sổ

1. Sổ nhật trình chạy xe có kích thước 130 mm x 190 mm, gồm hai loại: 50 trang và 100 trang dùng cho xe VCK theo tuyến cố định.
2. Thời hạn sử dụng theo quy định của doanh nghiệp.
3. Trang bìa: (Cơ quan cấp sổ ghi)
 - Số sổ: Ghi theo số thứ tự số của cơ quan phát hành sổ.
 - Tuyến vận chuyển: Ghi đúng tên tuyến tại văn bản chấp thuận.
 - Mã số tuyến: Ghi đúng mã số tuyến được công bố tại danh mục tuyến quốc gia.
 - Bến đi, Bến đến: Ghi đúng tên bến đi, bến đến tại văn bản chấp thuận.
 - Biển kiểm soát xe ô tô, loại xe: Ghi đúng số xe tại văn bản chấp thuận.
 - Tên chủ doanh nghiệp: Ghi theo đăng ký kinh doanh.
 - Địa chỉ: Ghi địa chỉ trụ sở của doanh nghiệp hoặc chi nhánh.
 - Số điện thoại: Ghi số điện thoại trụ sở của doanh nghiệp hoặc chi nhánh (nếu có).
4. Từ trang 3: (Ban quản lý bến xe 2 đầu tuyến ghi theo từng chuyến xe ra, vào bến)
 - Số khách đi xe tại bến: Ghi đúng số lượng khách lên xe tại bến.
 - Giờ xuất bến: Ghi đúng giờ xe xuất bến.
 - Số khách đến bến: Ghi đúng số lượng khách đến.
 - Giờ đến bến: Ghi đúng giờ đến bến của xe.
 - Ban quản lý bến xe: Ghi tên Ban quản lý bến xe xác nhận và đóng dấu.

II. Nội dung và trình bày trang bìa trước: (mẫu)

Dấu của Sở GTVT (GTCC)	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>Số sổ:</p> <p>SỔ NHẬT TRÌNH CHẠY XE (Dùng cho xe vận chuyển khách)</p> <p>Tuyến vận chuyển:..... đi..... và ngược lại</p> <p>Mã số tuyến:..... Cự ly VC..... km</p> <p>Bến đi:</p> <p>Bến đến:</p> <p>Biển số đăng ký xe:.....</p> <p>Loại xe:.....</p> <p>Số ghế:.....</p> <p>Chủ doanh nghiệp:.....</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Điện thoại:.....</p>
------------------------------	--

III. Nội dung và trình bày các trang trong sổ: (trang mẫu)

<p style="text-align: center;">Bến đi xác nhận</p> <p>1. Số khách đi xe tại bến..... người 2. Giờ xuất bến:..... Ngày... tháng... năm... Ban quản lý bến xe (Ký tên, đóng dấu)</p>	<p style="text-align: center;">Bến đến xác nhận</p> <p>1. Số khách đến bến..... người 2. Giờ đến bến:..... Ngày... tháng... năm... Ban quản lý bến xe (Ký tên, đóng dấu)</p>
<p style="text-align: center;">Bến đi xác nhận</p> <p>1. Số khách đi xe tại bến..... người 2. Giờ xuất bến:..... Ngày... tháng... năm... Ban quản lý bến xe (Ký tên, đóng dấu)</p>	<p style="text-align: center;">Bến đến xác nhận</p> <p>1. Số khách đến bến..... người 2. Giờ đến bến:..... Ngày... tháng... năm... Ban quản lý bến xe (Ký tên, đóng dấu)</p>

66382/18